TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4-TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2026/DS-ST
Ngày 28-7-2026
"V/v *Tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:Ông Trần Xuân Đạt
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Minh Biên
2. Ông Nguyễn Hồng Tuấn

***Thư ký phiên tòa*:**Bà Trần Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4-Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 -Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Đài Trang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30/06/2026 và ngày 28/7/2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 -Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2022/TLST- DS ngày 06 tháng 12 năm 2022 về việc "*Tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2026/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2026/QĐST-DS, ngày 02/6/2026; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số01/2026/QĐST-DS ngày 30/06/2026; Thông báo số 01/2026/TB-TA ngày 09/07/2026 về thời gian, địa điểm tiếp tục phiên tòa củagiữa các đương sự:

guyên đơn: Ông Tô Văn K, sinh năm 1960; căn cước công dân số 0020xxxxxxx, cấp ngày 09/5/2021; địa chỉ: Thôn N, xã P, tỉnh Tuyên Quang(địa chỉ cũ: ThônNà Cáy, xã P, huyện V, tỉnh Hà Giang). Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

-Ông Đỗ Thanh H, sinh năm 1965;căn cước công dân số 0370xxxxxxx, cấp ngày 29/3/2021;địa chỉ: Số nhà B, đường N, tổ dân phố D, phường H, tỉnh Tuyên Quang(địa chỉ cũ: Tổ D, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang). Có mặt.

- Bà Tô Thị K1, sinh năm 1963; căn cước công dân số 0021xxxxxxx, cấp ngày03/7/2024; địa chỉ: Tổ dân phố A N, phường H, tỉnh Tuyên Quang(địa chỉ cũ: Tổ D, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang). Có mặt.

*Bị đơn:*Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1943; CMND số 073xxxxxx, cấp ngày 09/04/2002; địa chỉ: Thôn M, xã P, tỉnh Tuyên Quang (địa chỉ cũ: Thôn M, xã P, huyện V, tỉnh Hà Giang); Chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã V, tỉnh Tuyên Quang.Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn T: Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1970; căn cước công dân số 00207xxxxxxxx, cấp ngày 10/5/2021; địa chỉ: Thôn T, xã V, tỉnh Tuyên Quang (địa chỉ cũ: Thôn T, xã Đ, huyện V, tỉnh Hà Giang). Vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Phan Thị K2, sinh năm 1962; căn cước công dân số 00216xxxxxxx, cấp ngày 09/8/2021; địa chỉ: Thôn N, xã P, tỉnh Tuyên Quang(địa chỉ cũ: ThônNà Cáy, xã P, huyện V, tỉnh Hà Giang). Vắng mặt.

- Chị Tô Thị C, sinh năm 1988; căn cước công dân số 002188xxxxxxx, cấp ngày 09/8/2021; địa chỉ: Thôn N, xã P, tỉnh Tuyên Quang(địa chỉ cũ: Thôn N, xã P, huyện V, tỉnh Hà Giang). Vắng mặt.

- Anh Tô Văn Q, sinh năm 1986; căn cước công dân số 00208xxxxxxx, cấp ngày 10/3/2026; địa chỉ: Thôn N, xã P, tỉnh Tuyên Quang(địa chỉ cũ: ThônNà Cáy, xã P, huyện V, tỉnh Hà Giang). Vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền củangười có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà K2, chị C và anh Q:*Ông Tô Văn K, sinh năm 1960; căn cước công dân số 0020xxxxxxxx, cấp ngày 09/5/2021; địa chỉ: Thôn N, xã P, tỉnh Tuyên Quang (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khaitrong quá trình giải quyết ông Tô Văn K ***và người đại diện theo ủy quyềntrình bày***:

Năm 2002 Ủy ban nhân dân (UBND) thị xã H, tỉnh Hà Giangđã ban hành quyết định số 236/QĐ - UB, ngày 04/3/2002 về việc giao khu đất rừng do gia đình ông khai phá từ trướccho gia đình ông, đến năm 2004 gia đình ông được cấp giấy chứng nhận(GCN) quyền sử dụng đất(QSDĐ), năm 2008 gia đình ôngđược cấp đổi theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCN QSDĐ) số AO 815107, thửa số 771, tờ bản đồ số 02, diện tích 3.196.0m^2 tại thôn N, xã P, huyện V, tỉnh Hà Giang (địa chỉđất tạiGCN QSDĐ của ôngKỳ đã được chủ tịch UBND huyện V, tỉnh Hà Giang đính chính từ thôn N sang thôn M ngày22/10/2021)có vị trí tứ cận cụ thể:

Phía Đông giápđất ông Tất

Phía Tây giáp đường liên xã P-L hồ;

Phía Nam giáp đất ông Lục Văn N, ông Phí Đình G.

Phía Bắc giáp đất ông T

Gia đình ông sử dụng đúng diện tích đất đãđược cấp GCN QSDĐ. Đến năm 2022 ông Nguyễn Văn T chỉ đạo con, cháucho máy xúc san ủi vào phần đất của gia đình ôngđể làm đường đi và đã chặt phá cây cọ của gia đình ông 2 lần, (lần 1 là ngày 17/5/2022 và lần 2 ngày 17/6/2022) với số lượng cụ thể là 34 cây có chiều cao từ khoảng 1m đến 2,5m và 6 cây cọ to có chiều cao 13m. Tổng số cây cọ bị chặt phá là 40 cây.

Tại đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung ngày 27/10/2022 ông Tô Văn K trình bày diện tích đất bị gia đình ông Tất P1 là 158,4m^2 và yêu cầu gia đình ông T bồi thường số cây cọ bị phá hoại theo biên bản của xã lập ngày 31/8/2022 là 40 cây cụ thể:

Đối với 06 cây cọ to cao loại A đang thu hoạch một năm 60.000 đ/1 cây (6 cây x 60.000đ/năm = 360.000 đồng/1 năm), thời gian sử dụng ông K tính thu hoạch được 10 năm nữa là 360.000 đồng x 10 năm = 3.600.000 đồng.

Đối với 34 cây cọ trồng năm 2015 (34 cây x 60.000 đồng/cây) = 2.040.000 đồng.Tổng số tiền ông K Yêu cầu ông T phải bồi thườnglà 5.600.000 đồng(BL28 - 29),

Tại đơn xin bổ sung, sửa đổi đơn khởi kiện ngày 15/5/2023ông Tô Văn Kỳ yêu cầu bồi thường thiệt hại cho gia đình ông số tiền là 29.840.000 đồng trong đó 06 cây cọ to cao 13 m x 1.200.000 đồng/1 cây = 7.200.000 đồng; 34 cây cọ cao 2,5m x 200.000 đồng = 6.800.000 đồng; tiền hoàn trả diện tích san ủi làm đường đi 158,4m^2 x 100.000đ/m^2= 15.840.000 đồng (BL115-116).

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 04/7/2023 ông Tô Văn K xin rút phần yêu cầu ông T bồi thường phần đường đi là 158,4m^2 x 100.000đ/1m^2 = 15.840.000 đồng và giữ nguyên yêu cầuphải hoàn trả lại mặt bằng đất đã bị san ủi làm đường đi để gia đình ông tổ chức trồng lại cây trên đất rừng sản xuất(BL 156 - 157).

Tại B bảnghi lời khai bị đơn ôngNguyễn Văn Tấtvà người đại diện theo ủy quyền của ông T trình bày:

Vào năm 1966 gia đình ông từ huyện T, tỉnh Hà Tây lên sinh sống tại thôn M, xã P, huyện V, tỉnh Hà Giang (cũ), gia đình ôngkhai phá, sử dụng đất và được nhà nước cấp sổ lâm bạ từ năm 1990.Năm 2004 gia đình ông được cấp GCN QSDĐmang tên ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L, đến năm 2008 gia đình ông được cấp đổi thành GCN QSDĐ số AO 781876 mang tên hộ ông Nguyễn Văn T và vợ là bà Nguyễn Thị L tại thửa đất số 772, tờ bản đồ số 2, có tổng diện tích đất là 11.850.0m^2, mục đích sử dụng đất là Đất rừng sản xuất, thời hạn sử dụng đến ngày 16/12/2058.Năm 2022 gia đình ông có san ủi để mở đường để thực hiện việc đưa vợ ôngTất là bà Nguyễn Thị L đi chôn cất tại khu vựcnằm trong phần đất của gia đình được cấp GCN QSDĐ, quá trình san ủi có chặt, hạ một số cây cọ của gia đình thì xảy ra tranh chấp với gia đình ông K.

Sự việcđã được UBND xã P, UBND huyện V và các cơ quan chuyên môn giải quyết nhưng ông T không nhất trí vì thực tế gia đình ông tiến hành san ủi,

mở đường trong phần đất của gia đình được nhà nước cấpGCN QSDĐ, khi san ủi có chặt cây nhưng là cây của gia đình ông, việc ông K cho rằng gia đình ông san ủi vào phần đất nhà ông K là không đúng, cụ thể diện tích đất gia đình ông san ủi ở thôn M, xã P, huyện V (cũ), còn đất nhà ông K có địa chỉ ở thôn N, xã P, huyện V (cũ), ông khẳng định không thực hiện việc san ủi hay chặt cây xâm phạm vào đất nhà ông Tô Văn K. Ông đề nghị Tòa án tiến hành xem xét xác định cụ thể ranh giới đất cho chúng tôi, nếu bên nào sai sẽ phải chịu trách nhiệm.

Về án phí và chi phí tố tụng khác trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án ông Tấtđề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị K3 *và xác nhận*:

Gia đình ông Nguyễn Văn T đã thực hiện chặt phá cây cọ và san ủi đất trên thửa đất của gia đình bà về diện tích đất và số cây bị chặt như ông K chồng bà đã trình bày là đúng. Bà đã ủy quyền cho ông Tô Văn K tham gia tố tụng và nhất trí với ý kiến giải quyết của ông K4 Tòa án (BL95 - 96).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Tô Văn Q, Tô Thị C1 *ý kiến*: Hoàn toàn nhất trí với nội dung ý kiến trình bày của ông Tô Văn K.Ông Q, bà C đã uỷ quyền cho ông K do vậy ông K có toàn quyền quyết định các nội dung trong vụ việc tranh chấp với ông Nguyễn Văn T, chỉ mong hai bên thống nhất thoả thuận giải quyết vụ án dứt điểm. Ngoài ra, không có ý kiến gì thêm.

Các tài liệu, chứng cứ được thu thậptrong hồ sơ gồm:

Giấy chứng nhận QSDĐsố A0815107 do UBND huyện V, tỉnh Hà Giang cấp ngày 16/12/2008 cho ông Tô Văn K và bà Phan Thị K2)(BL07)

Giấy chứng nhận QSDĐsố A0781876 do UBND huyện V, tỉnh Hà Giang cấp ngày 16/12/2008 cho ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L(BL43)

Giấy chứng nhận QSDĐsố V 920142 vào sổ cấp GCN QSDĐ số 00751 do UBND thị xã H cấp cho hộ ông Tô Văn K ngày 13/05/2004(BL211)

Quyết định số 863/QĐ-UB ngày 28/08/2000 của UBND thị xã H (cũ) Về việc giải quyết khiếu nại của công dân, đãthu hồi và hủy bỏ 03 sổ lâm bạ có tổng diện tích 1,1 ha, do việc cấp sổ lâm bạ không đúng trình tự, chồng chéo, và chưa phù hợp với nhu cầu sử dụng đất của các hộ (trong đó sổ lâm bạ số 28 ngày 20/08/1990 cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T 0,6 ha;sổ lâm bạ số 26 không ghi ngày cấp cho hộ ông Tô Văn N1 (bố ông K) 0,5 ha và 01 sổ lâm bạ cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T2 (con ông T) hiện đã thất lạc).(BL100)

Quyết định số 236/QĐ-UB ngày 04/03/2002 của UBND thị xã H (cũ) Về việc giải quyết khiếu nại của công dân Điều chỉnh và giao đất lâm nghiệp cho các hộ gia đình cụ thể gia đình ông Nguyễn Văn T 7.325 m^2 ; Gia đình ông Tô Văn K 3.175 m^2(BL101)

Công văn số 70/TN&MT ngày 13/03/2020 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V, tỉnh Hà Giang V/v trả lời ông Nguyễn Văn T(BL212)

Báo cáo số 564/BC-TN&MT ngày 06/10/2021 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V, tỉnh Hà Giang V/v kiểm tra, xác minh đơn của ông Nguyễn Văn T(BL213-215)

Văn bản số 2101/UBND-TN&MT ngày 21/10/2021 của UBND huyện V V/v ông Tô Văn K liên hệ với UBND xã P để được hướng dẫn lập hồ sơ đính chính thửa đất 771, tờ bản đồ địa chính số 02, diện tích 3.196m^2 (kèm bản đồ giao đất rừng cho hộ gia đình ông T, ông K)(BL102-102)

Văn bản số 799/UBND-TN&MT ngày 10/05/2022 của UBND huyện V, tỉnh Hà Giang V/v trả lời ông Nguyễn Văn T(BL216)

Văn bản số 2553/UBND-TN&MT ngày 20/10/2023 của UBND huyện V, tỉnh Hà Giang V/v trả lời ông Nguyễn Văn T (BL221)

Hồ sơ cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Tô Văn K gồm: Đơn xin cấp lại, cấp đổi GCN QSDĐ của ông Tô Văn K ngày 11/6/2008; Giấy chứng minh nhân dân của ông Tô Văn K và bà Phan Thị K2; GCN QSDĐ vào sổ cấp GCN QSDĐsố 0665/QSDĐ/987/QĐ-UB do UBND thị xã H cấp năm 2001, thửa đất số 66, 102, tờ bản đồ số 06, diện tích 10.800m^2, mục đích sử dụng: Vườn - rừng, mang tên hộ ông Tô Văn K và GCN QSDĐ vào sổ cấp GCN QSDĐsố 00751/QSDĐ/425/QĐ-UB do UBND thị xã H cấp năm 2004, thửa đất số 94, tờ bản đồ số 6, diện tích 3061,0m^2, mục đích sử dụng đất Vườn - rừng, mang tên hộ ông Tô Văn K; sổ hộ khẩu gia đình số 62 mang tên chủ hộ Tô Văn K; đơn xin giao đất lâm nghiệp của ông Tô Văn K ngày 12/5/2004; biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất theo hiện trạng sử dụng mang tên Tô Văn K ngày14/5/2004; biên bản giao đất lâm nghiệp ngoài thực địa ngày 14/5/2004; đơn xin đăng ký biến động đất đai của ông Tô Văn K ngày 12/5/2004.(BL126-146).

Hồ sơ cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn T gồm: Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T ngày 12/6/2008; Giấy chứng minh nhân dân của ông Nguyễn Văn T; sổ lâm bạ hộ gia đình và đơn vị tập thể số 28, ngày 20/8/1990; sổ hộ khẩu gia đình số 184 mang tên chủ hộ Nguyễn Văn T; đơn xin cấp giấy sử dụng đất vườn rừng ngày 09/06/2008; bản đồ địa chính(BL147-153).

Biên bản xác minh của Tòa án nhân dân (TAND) huyện V, tỉnh Hà Giang về việc lập biên bản phá hoại cây cối lập ngày 31/08/2022 và khảo sát đơn giá cây cọ tại địa phương (BL160-167).

Ngày 11/04/2023 Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ xác định hiện trạng tranh chấp theo chỉ dẫn của ông Tô Văn K và người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn T; đối với số cây cọ gia đình ông T đã chặt hiện không còn tại hiện trường, số cây thiệt hại chỉ xác định được theo biên bản phá hoại cây cối lập ngày 31/08/2022.

Biên bản định giá ngày 06/09/2023 của Hội đồng định giá theo quyết định số 03/2023/QĐ-ĐG ngày 24/08/2023 của TAND huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang tiến hành định giá xác địnhcây cọ to cao 13 mét có giá 140.000 đồng/1 cây; cây cọ con cao khoảng 1 mét đến 2 mét có đơn giá 60.000 đồng/1 cây.

Ông Tô Văn K đã nộp 3.800.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản; 10.591.642 đồngchi phí đo vị trí đất có tranh chấp.

Ngày 13/12/2023 Tòa án huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang nhận được Thông báo số 06/2023/TLST-HC ngày 30/11/2023 của TAND tỉnh Hà Giang, thụ lý vụ án hành chính theo đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về việc "Yêu cầu Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" UBND huyện V, tỉnh Hà Giang cấp cho ông Tô Văn K.

Ngày 14/12/2023 TAND huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số 23/2022/TLST-DS ngày 06/12/2022 V/v Tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm giữa ông Tô Văn K và ông Nguyễn Văn T.

Tại Quyết định của Bản án Hành chính sơ thẩm số 02/2024/HC-ST ngày 11/09/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang, Căn cứ.....

1. Bác yêu cầukhởi kiện của ông Nguyễn Văn T, giữ nguyên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 815107do UBND huyện V cấp ngày 16/12/20088 cho vợ chồng ông Tô Văn K và bà Phan Thị Kim .

....

Không nhất trí với quyết định của Bản án sơ thẩm ông Nguyễn Văn T kháng cáo. Tại Bản án Hành chính phúc thẩm số 98/2025/HC-PT ngày 10/09/2025 của Tòa án nhân dânTối cao tại Hà Nội, Căn cứ.....

1.Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đấtsố AO 815107 do UBND huyện V cấp ngày 16/12/20088 cho vợ chồng ông Tô Văn K và bà Phan Thị K2….

Ngày 12/12/2025 Tòa án nhân dân khu vực 4-Tuyên Quang, ra quyết định số 14/2025/QĐST-DS tiếp tục giải quyết vụ án dân sự số 23/2022/TLST-DS ngày 06/12/2022 "về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm" giữa nguyên đơn ông Tô Văn K và bị đơn ông Nguyễn Văn T.

Tòa án mở phiên H1 giảitheo quy định nhưng ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Văn T1 vắng mặt không có lý do mặc dù được tống đạt hợp lệ, bà Nguyễn Thị Việt H2 có Giấy từ chối là Người đại diện theo ủy quyền của Ông Nguyễn Văn T.

Tại Biên bản làm việc ngày 05/05/2026 với Tòa án,ông Nguyễn Văn T1 cung cấp thông tin và xác nhận theo tài liệu đã nộp có trong hồ sơ thì ông T1 và bà Nguyễn Thị Việt H2 là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn T, nay bàNguyễn Thị Việt H3 từ chối tham gia tố tụng thì ông T1 tiếp tục tham gia

tố tụng đại diện cho ông Tất vìhiện ông Nguyễn Văn T đang ở với ông T1 và ông T rất yếu không đi lại được.

Việc Hòa giải không thành Tòa án tiền hành ra quyết định xét xửtheo quy định, tại phiên xét xử ngày 30/06/2026 đại diện Viện kiểm sát Khu vực 4-Tuyên Quang đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tạm ngừng phiên tòa thu thập thêmtài liệu chứng cứ.

Theo tài liệu Tòa án thu thập bổ sung ngày 07/07/2026 xác địnhnăm 2022 khi vợ của ông Nguyễn Văn T chết, ông T đã chỉ đạo con, cháulàm lại con đường để lấy đường đi chôn cất vợ ông T. Khi sửa đường có việc chặt phá một số cây cọ và phát sinh tranh chấp với nhà ông K.

Quá trình giải quyếtvà tại phiên tòa ông Tô Văn K xác nhận đã rút yêu cầu bồi thường khắc phục thiệt hại về đất; rút yêu cầu bồi thườngvề giá cây cọ trình bày tại đơn khởi kiện và ông K nhất trí việc bồi thường cây cọ theo quy định của nhà nước.Tại phiên tòa ông K đề nghị HĐXX buộc ông Nguyễn Văn T bồi thường thiệt hại số cây cọ được làm rõ tại phiên tòa là 06 cây cọ cao 13m; 16 cây cọ cao từ 1m đến 2m theo giá của Hội đồng định giá; buộc ông T phải chiuchi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí định giá và chi phí đo đạc diện tích đất có tranh chấp theo hợp đồng

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định,trình tự giải quyết trong thời gian chuẩn bị xét xử; Thẩm phán, thư ký xác định đúngquan hệ phápluật tranh chấp, thụ lý, tống đạt, giao nhận các văn bản tố tụng cho nguyên đơn, bị đơn và VKS theoquy định;xác định đầy đủ và đúng tư cách của những người tham gia tố tụng trong vụ án; thu thập tài liệu chứng cứ, xác minh đầy đủ...

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 6 Điều 26, các Điều 35, 39, 91, 147, 244, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 584, 585 và 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tô Văn K về yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm. Buộc ông Nguyễn Văn T bồi thường thiệt hại về cây cọ cho ông Tô Văn K số tiền 1.800.000 đồng.

- Buộc ông Nguyễn Văn T phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật và chịu chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 3.800.000 đồng; chi phí đo vị trí đất có tranh chấp theo hợp đồng là 10.591.642 đồng để trả cho ông Tô Văn K đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về thẩm quyền giải quyết:Nguyên đơn ông Tô Văn K5 địa chỉ tại thôn N, xã P, tỉnh Tuyên Quang có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấpbồi thường thiệt hại về tài sảnvới bị đơn ông Nguyễn Văn T có địa chỉ Hộ khẩu thường trú tại thôn M, xã P, tỉnh Tuyên Quang. Xét thấy việc tranh bồi thường thiệt hại về tài sản và các đương sự đều cóđịa chỉtại xã P huyện V, tỉnh Hà Giang(cũ) nay tại xã P, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sựnăm 2015; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/06/2025 Luật sửa đổibổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự nênthuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân (TAND) huyện V, tỉnh Hà Giang (cũ) nay là TAND Khu vực 4 - Tuyên Quang.

[2]Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án đã ban hành các quyết định, thông báo, giấy triệu tập, các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật và bàn giao, tống đạt hợp lệ nhưng bị đơn ông Nguyễn Văn T và người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Văn T3 vắng mặt không có lý do;người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị K2, anh Tô Văn Q, chị Tô Thị C vắng mặt có lý do, có người đại diệntheo ủy quyền. Xét thấy Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng, giấy triệu tập hợp lệ, đã hoãn phiên tòa lần 1 và mở lại phiên tòa theo quy định nhưng bị đơn ông Tất V đại diện theo ủy quyền đã được Tòa án triệu tậphợp lệ vẫnvắng mặt không lý do.Căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 229của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.Hội đồng xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:Ông Tô Văn K6 kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn T bồi thường cho gia đình ông K số cây cọ và diện tích đất bị phá hỏng, không thể khắc phục được. Do đó, có căn cứ xác định đây là **"***Tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm***"**theo quy định tại khoản 6 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung yêu cầu khởi kiện và phạm vi giải quyết:Theo đơn khởi kiệnông Tô Văn K khởi kiện ông Nguyễn Văn T do ông Tất đãcho con cháudùng máy xúc san ủi phần đất của gia đình ông K được nhà nước cấpGCN QSDĐđể làm đường đi đã gây thiệt hại về đất và chặt phá một số cây cọ, nên ông K yêu cầu ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông K với tổng số tiền là 29.840.000 đồng: Trong đó 06 cây cọ to cao 13 m x 1.200.000 đồng/1 cây = 7.200.000 đồng; 34 cây cọ cao từ 1m đến 2,5m x 200.000 đồng/cây = 6.800.000 đồng; tiền khắc phục mặt bằng diện tích đất đã bị san ủi làm đường đi 158,4m^2 x 100.000đ/m^2= 15.840.000 đồng.

[4.1] Phạm vi giải quyết yêu cầu khởi kiện:Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa ông Tô Văn K xin rút phần yêu cầu bồi thường chi phí khắc phục, hoàn trả phần đường đi đã san ủi là 15.840.000 đồng; rút yêu cầu bồi thường giá cây cọ theo giá đã đề nghị tại đơn khởi kiện. Ông Tô Văn K nhất trí yêu cầu bồi thường cây cọ theo đơn giá của nhà nước quy định. HĐXXquyết định đình chỉ không xem xét phần yêu cầu ông K đã rút yêu cầu khởi kiện và tiếp tục xem xét

giải quyếtyêu cầu khởi kiệnđòi bồi thường bị thiệt hại còn lại của ông Tô Văn K theo quy định tại Điều 5, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4.2] Ông Nguyễn Văn T và người đại diện theo ủy quyềnkhẳng địnhdiện tích đất san ủi và cây cọ bị chặt hạ đều nằm trong phần đất của gia đình ông T thực hiện khai hoang từ trước và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên không nhất trí bồi thường thiệt hại theo yêu cầu cho nguyên đơn. HĐXX sẽ xem xét các tài liệu chứng cứ của nguyên đơn, bị đơn và tài liệu chứng cứ của Tòa án thu thập được có trong hồ sơ để làm cơ sở giải quyếttheo quy định của pháp luật.

[5] Xác định số cây cọ bị chặt phá: Quá trình thụ lý giải quyết Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗxác định số cây cọ bị chặt phá đã bị mục nát các đương sự nhất trí căn cứ vàosố cây cọ bị chặt theo Biên bản của chính quyền địa phương lập ngày 31/08/2022 để làm căn cứ giải quyết. Trong số 40 cây cọ tại biên bản lập ngày 31/08/2022 được thẩm tra, làm rõ tại phiên tòa có 18 cây cọ cao từ 1m đến 2m có bị chặt lá tuy nhiên vẫn sinh trưởng và có thể tái sinh, phát triển nên số cây cọ thiệt hại thực tế được HĐXX xác địnhlàm rõ, chấp nhận là 06 cây cọ cao 13m và 16 cây cọ cao từ 1m đến 2m.

[6] Giá trị của cây cọ: Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương không có phát sinh giao dịch mua báncây cọ nên không có giá thị trường,quá trình giải quyếtHội đồng định giáxác định giá cây cọ theo đơn giábồi thườngcủa nhà nước khi thu hồi đền bù đất là có cơ sở, đúng pháp luật được HĐXX chấp nhận trong đó cây cọ to cao 13 mét có giá 140.000 đồng/1 cây; cây cọ con cao từ 1 mét đến 2 mét có đơn giá 60.000 đồng/1 cây.

[7] Theo đơn khởi kiện và tài liệu thu thập bổ sung của Tòa án xác định ông Nguyễn Văn T là người chỉ đạo việc san ủi đường dẫn đến việc chặt phá cây cọ để làm đường đi chôn cất vợ ông T, do đó ông Tô Văn K khởi kiện buộc ông Nguyễn Văn T phải bồi thường cho gia đình ông K là có căn cứ.

[8] Tài liệuxác định quyền sử dụng đất vị trí có tranh chấp: Tài liệu có trong hồ sơ thể hiện nguyên đơn, bị đơn đều được cấp Sổ lâm bạ sau đó đã được cơ quan có thẩm quyền ra quyết định thu hồi, cấp lại, chỉnh lý GCN QSDĐ cho ông K, ông T theo quy định. Khiphát sinh tranh chấp mặc dù đã được cơ quan chuyên môn và các cấp chính quyền địa phương giải quyết nhiều lần xác định khu vực đất có tranh chấp được cấp QSDĐ cho ông Tô Văn K và bà Phan Thi K2 tuy nhiên ông T không nhất trí nên ông K khởi kiện ông Tất ra Tòa án huyện V để bảo vệ quyền lợi theo quy định. Ông Nguyễn Văn T cho rằng khu vực san ủi là của mình và có sai phạm trong việc thu hồi, cấp GCN QSDĐ cho ông K nên đã khởi kiện quyết định hành chính của UBND huyện V, tỉnh Hà Giang.

[9] Kết quả đo đạc khi xem xét thẩm định tại chỗ xác định vị trí tranh chấp có cây cọ bị chặt phá khi san ủi đường thuộc thửa số 771, tờ bản đồ số02

tại GCN QSDĐ số A0 815107 cấp ngày 16/12/2008 cho ông Tô Văn K và bà Phan Thị Kim .

[10]Quyết định của Bản án Hành chính sơ thẩm số 02/2024/HC-ST ngày 11/09/2024 của TAND tỉnh Hà Giangvà Bản án Hành chính phúc thẩm số 98/2025/HC-PT ngày 10/09/2025 của TAND Tối cao tại H bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, giữ nguyên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 815107 do UBND huyện V, tỉnh Hà Giang cấp ngày 16/12/2008 cho vợ chồng ông Tô Văn K và bà Phan Thị Kim .

[11] Như vậyGiấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 815107 do UBND huyện V, tỉnh Hà Giang cấp ngày 16/12/2008 cho vợ chồng ông Tô Văn K và bà Phan Thị K7 đúng quy định.Việc ông Tô Văn K khởi kiện ông Nguyễn Văn T4 Tòa án yêu cầubồi thường thiệt hạisố cây cọ được ông K trồng trên đất có GCN QSDĐ bị ông T cho con cháu chặt phálà có căn cứ được chấp nhận. HĐXX buộc ông Nguyễn Văn T phải bồi thường cho ông Tô Văn K giá trị thiệt hại số cây cọ đã xác định được là:

06 cây cọ cao 13 mX đơn giá 140.000 đồng/1 cây = 840.000 đồng

16 cây cọ cao 1 m đến 2 m X đơn giá 60.000 đồng/1 cây = 960.000 đồng.

[12]Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu của nguyên đơn ông Tô Văn K được chấp nhận nên bị đơnông Nguyễn Văn T phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí định giá và chi phíHợp đồng đo đạc diện tích có tranh chấp theo quy định.

[13] Về án phí:Bị đơn ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Ông Tô Văn K được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí tại Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hà Giangang nay là Thi hành án dân sự khu vực 4-Tuyên Quang.

[14] Về quyền kháng cáo:Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5; khoản 9 Điều 26; Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147;Điều 227; 228; 233; 244; 271; 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 584,585và Điều589 của Bộ luật dân sự 2015; nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhậnyêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tô Văn K.

2. Buộc ông Nguyễn Văn T bồi thường giá trị thiệt hại số cây cọ cho ông Tô Văn K8 số tiền 1.800.000 đồng cụ thể:

06 cây cọ cao 13m X đơn giá 140.000 đồng/1 cây = 840.000 đồng.

16 cây cọ cao từ 1m đến 2m X đơn giá 60.000 đồng/1 cây= 960.000 đồng.

3.Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn T phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền là 3.800.000 đồng và chi phí thuê đo đạc diện tích đất có tranh chấp số tiền là 10.591.642 đồng, tổng cộng là 14.391.642 đồng. Do ông Tô Văn K9 nộp tạm ứng toàn bộ chi phí tố tụng vì vậy ông Nguyễn Văn T5 trả cho ôngTô Văn K10 số tiền chi phí tố tụng là 14.391.642 đồng*(Mười bốn triệu, ba trăm chín mươi mốt nghìn, sáu trăm bốn mươi hai đồng chẵn)*.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng. Trả lại cho ông Tô Văn K số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0002339 ngày 06/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang (cũ) *(nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4-Tuyên Quang).*

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 28/7/2026. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND KV 4 - Tuyên Quang;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Xuân Đạt